TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M, TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45 /2023/HNGĐ-ST
Ngày 10 - 5 - 2023
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hòa;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quàng Văn Mầng và ông Lò Văn Khẹt.

- Thư ký phiên toà: Ông Đào Ngọc Sơn, Thư ký Toà án nhân dân huyện M.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện M, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2023/TLST- HNGĐ, ngày 20 tháng 02 năm 2023 về Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 32/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24/4/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: chị Cà Thị T; Nơi cư trú: bản M, xã H, huyện M, tỉnh Sơn La; có mặt.

- *Bị đơn*: anh Lò Văn T; Nơi cư trú: bản M, xã H, huyện M, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/02/2023 và bản tự khai, nguyên đơn là chị Cà Thị T trình bày: chị T và anh T, tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 20/11/2013 tại Uỷ ban nhân dân xã T; quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, anh chị đã nhận một cháu nhỏ tại bệnh viện (hiện nay không rõ cha mẹ đẻ ở đâu) về khai sinh làm người con chung là cháu Lò Thị Hải Y, sinh ngày 04/5/2017; sau khi nhận con về nuôi thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không quan tâm đến cuộc sống gia đình, từ đó chị T về sống cùng bố mẹ đẻ và sống ly thân, tình cảm không còn chị T đề nghị xin được ly hôn, phân chia trách nhiệm nuôi con chung; về tài sản chung chị T và anh T không yêu cầu giải quyết; chị T xác định không vay nợ ai.

Toà án nhân dân huyện M đã giao thông báo thụ lý, triệu tập hợp lệ thông qua người thân và chính quyền địa phương nhưng không có kết quả nên tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng để anh T thực hiện quyền và nghĩa vụ nhưng anh T không hợp tác cố tình vắng mặt.

Ngày 04/4/2023, Toà án lập biên bản xác minh với ông Lò Văn S (bố đẻ anh T) và đại diện Uỷ ban nhân dân xã H xác định: anh T và chị T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và đăng ký thường trú tại bản Mển, xã H, huyện M; anh T và chị T đều là lao động tự do thường đi làm ăn xa nên tình cảm vợ chồng không hoà hợp, chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ và sống ly thân.

Tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ chị Cà Thị T giữ nguyên yêu cầu, phạm vi khởi kiện, không có yêu cầu phản tố, không ai cung cấp tài liệu chứng cứ, yêu cầu gì khác. Tuy nhiên, anh T không có mặt nên chị T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Toà án đã lập biên bản không hoà giải được.

Ý kiến tranh luận tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Cà Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Lò Văn T và về phân chia trách nhiệm nuôi con chung: theo nguyện vọng chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu Lò Thị Hải Y và không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con chung; chị T xin tự chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn anh Lò Văn T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến tranh luận đối đáp.

Đại diện Viện kiểm sát ý kiến: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên chấp nhận cho chị Cà Thị T ly hôn với anh Lò Văn T; giao cháu Lò Thị Hải Y cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh T không phải cấp dưỡng nuôi cháu Yến; buộc chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" do nguyên đơn chị Cà Thị T khởi kiện đối với bị đơn anh Lò Văn T có nơi cư trú bản Mển, xã H, huyện M, tỉnh Sơn La. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La.

[2] Về thủ tục tố tụng: anh Lò Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Cà Thị T và anh Lò Văn T, tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 20/11/2013 tại Uỷ ban nhân dân xã Tạ Bú là sự thật và quan hệ hôn nhân được xác lập hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị T thấy: cuộc sống chung giữa chị T và anh T có mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh chị không quan tâm, không có trách nhiệm với gia đình, quyền bình đẳng trong gia đình bị hạn chế, tình nghĩa vợ chồng không bảo đảm, anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay nên xác định lời khai trình bày về nguyên nhân, lý do mâu thuẫn và yêu cầu ly hôn của chị T là sự thật, có căn cứ phù hợp với nội dung sự việc ghi trong biên bản xác minh được chính quyền địa phương xác nhận về nguyên nhân mâu thuẫn, tranh chấp. Xét tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh T thực sự không còn, đời sống chung vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đồng thời cũng giải phóng cho anh chị để ổn định cuộc sống về sau cần chấp nhận yêu cầu giải quyết cho chị Cà Thị T được ly hôn anh Lò Văn T; căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: chị Cà Thị T xác định anh chị có nhận một người con từ bệnh viện về nuôi dưỡng, đã làm thủ tục đăng ký khai sinh tại xã UBND xã H ngày 07/9/2020 lấy tên là Lò Thị Hải Y, sinh ngày 04/5/2017 (hiện nay không biết bố mẹ đẻ đã sinh cháu bé ở đâu); hiện tại chị T không có thai. Xét thấy cháu Lò Thị Hải Y là người chưa thành niên (dưới 18 tuổi) trong khi quan hệ chung sống giữa chị T và anh T không thể tồn tại nên cần xem xét phân chia trách nhiệm nuôi dưỡng cháu Y. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu Yên thấy anh T và chị T đều là lao động tự do thu nhập không ổn định, từ khi sống ly thân đến nay cháu Y sống cùng chị T và ông bà ngoại trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; cháu Y đang sống ổn định có điều kiện phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị T và giao cháu Lò Thị Hải Y cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ tuổi thành niên (18 tuổi) và có khả năng lao động; việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị T là tự nguyện nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung; không ai được ngăn cản việc thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau ly hôn, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung: chị T và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết theo vụ án.

[6] Về vay nợ chung: chị T và anh T xác định không vay nợ của ai.

[7] Về án phí: không có căn cứ xác đinh chị Cà Thị T được miễn, giảm án phí nên chị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 300.000VNĐ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho Ly hôn giữa chị Cà Thị T và anh Lò Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Thị Hải Y cho chị Cà Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ tuổi thành niên (18 tuổi) và có khả năng lao động; không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung; không ai được ngăn cản việc thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau ly hôn.

4. Về án phí: chị Cà Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2021/0003804 ngày 20/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sơn La.

Đương sự chị Cà Thị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 10/5/2023; anh Lò Văn T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận, niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND nơi đăng ký kết hôn, cư trú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Văn Hòa